| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN AN MINH**<br>TỈNH KIÊN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **59**/2018/HNGĐ- ST
Ngày: 29 - 11 - 2018
"Về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Ông Lê Chí Công

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Lưu Văn Bình

Bà Hồ Thị Hoa

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Đông Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Chị Ngô Thị Bích P_nđ, sinh năm 1993. Địa chỉ: kp 2, thị trấn T 11, huyện An Minh, Kiên Giang; (có mặt)

*Bị đơn:* Anh Võ Thanh X_bđ, sinh năm 1987. Địa chỉ: kp 2, thị trấn T 11, huyện An Minh, Kiên Giang. Nơi cư trú hiện nay: ấp VX, xã ĐH B, huyện An Minh, Kiên Giang. (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**:

*Trong đơn khởi kiện ngày 06-7-2018 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Ngô Thị Bích P_nđ trình bày và yêu cầu như sau*:

Chị P_nđ và anh X_bđ quen biết và tìm hiểu nhau khoảng 1 năm thì tiến tới hôn nhân. Được gia đình 2 bên tổ chức lễ cưới vào ngày 19-4-2012. Đăng ký và được UBND Thị trấn T11, huyện An Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn

ngày 31-12-2013. Vợ chồng chung sống đầm ấm, hạnh phúc một thời gian cho đến sau khi chị P_nđ sinh con năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Anh X_bđ thường đi chơi một vài ngày mới về. Sau đó cự cải nhiều lần và có lần anh X_bđ đánh chị P_nđ. Từ đó, chị P_nđ và anh X_bđ ly thân vào ngày 23-5-2018 cho đến nay.

Về con anh, chị có 1 đứa con tên Võ Quốc T_lq, sinh ngày 14-01-2013, hiện đang do chị P_nđ trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung, chị P_nđ xác định không có.

Chị P_nđ khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh X_bđ; về con xin tiếp tục nuôi dưỡng cháu T_lq, yêu cầu anh X_bđ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đ, cấp hàng tháng. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Võ Thanh X_bđ trình bày.*Thừa nhận quan hệ hôn nhân như chị P_nđ trình bày. Chị P_nđ xin ly hôn anh đồng ý ly hôn nhưng yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng; về tài sản có một số nợ.

*Tại biên bản xác minh ngày 23-10-2018,* xác định được, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị P_nđ với anh X_bđ là do chuyện tiền bạc trong gia đình; anh X_bđ thường vắng mặt ở nhà mà không rõ đi đâu, làm gì. Khi ly thân chị P_nđ đã nuôi dưỡng và chăm sóc tốt cho cháu T_lq.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay phía nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; phía bị đơn vắng mặt nên đã không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định. Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX cho chị P_nđ ly hôn với anh X_bđ; về con giao cho chị P_nđ trực tiếp nuôi dưỡng cháu T_lq,

Về tài sản và nợ không yêu cầu nên không xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh X_bđ đều vắng mặt, không tham gia phiên họp

kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân, chị P_nđ, anh X_bđ chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn T 11, huyện An Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 31-12-2013 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Chị P_nđ và anh X_bđ sống chung một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh, chị có nhiều bất đồng về tiền bạc, anh X_bđ thường bỏ nhà đi một vài ngày mới về, dẫn đến cự cải với nhau và có lúc xảy ra xô xát. Anh, chị đã ly thân nhau từ tháng 5 năm 2018. Trong thời gian ly thân anh, chị  chưa có những thay đổi, biện pháp tốt để đoàn tụ. Đồng thời khi Tòa án thông báo về yêu cầu ly hôn của chị P_nđ thì anh X_bđ không có ý kiến hay động tác gì để hàn gắn mà bỏ mặc; khi Tòa án tổ chức hòa giải đoàn tụ thì anh X_bđ vắng mặt không tham dự. Việc anh X_bđ không có ý kiến khi nguyên đơn xin ly hôn, không tham dự phiên hòa giải, phiên tòa vừa vi phạm nghĩa vụ bị đơn vừa đánh mất cơ hội hòa giải đoàn tụ tại Tòa án. Tại phiên tòa, anh X_bđ đồng ý ly hôn cho thấy giữa anh X_bđ và chị P_nđ mục đích hôn nhân đã không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, HĐXX căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh, chị.

[4] Về con chung, chị P_nđ và anh X_bđ có 01 đứa con chung tên Võ Quốc T_lq, sinh ngày 14 tháng 01 năm 2013, hiện đang sống chung với chị P_nđ. Chị P_nđ và anh X_bđ đều có nguyện vọng được nuôi con sau khi ly hôn; đây đều là yêu cầu chính đang của anh, chị nhưng việc giao con chưa thành niên cho ai nuôi phải xem xét toàn diện mội mặt đối với đứa trẻ. Thấy rằng, trong thời gian qua, chị P_nđ đã trực tiếp nuôi dưỡng con tốt, chưa xảy ra sơ xuất, cháu bé đang thích nghi với cuộc sống hiện tại nên HĐXX quyết định giao con của anh chị tên Võ Quốc T_lq, sinh ngày 14 tháng 01 năm 2013 cho chị P_nđ tiếp tục nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con, tại đơn khởi kiện, chị P_nđ yêu cầu anh X_bđ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ. Tại phiên tòa, chị P_nđ không yêu cầu cấp dưỡng nên không xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: chị P_nđ không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét. Anh X_bđ có nêu ra vợ chồng còn có nợ chung. Tuy nhiên, do anh X_bđ đưa ra yêu cầu xem xét khi Tòa án đã mở phiên tòa lần 2 nên không được xem xét. Nếu sau này anh chị không thỏa thuận được có quyền khởi kiện vụ án khác về tài sản và nợ chung.

[7] Về án phí, nguyên đơn chị P_nđ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000đ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

*Vì các lẽ trên*,

## **QUYẾT ĐỊNH**:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 55, khoản 1, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Ngô Thị Bích P_nđ và anh Võ Thanh X_bđ.

2. Về con chung: Giao con của anh chị tên Võ Quốc T_lq, sinh ngày 14 tháng 01 năm 2013 cho chị Ngô Thị Bích P_nđ tiếp tục nuôi dưỡng (cháu T_lq đang chung sống với chị P_nđ). Anh X_bđ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét. Sau này đương sự có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

4. Về án phí, chị Ngô Thị Bích P_nđ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0008839 ngày 24-7-2018 của Chi cục

Thi hành án dân sự huyện An Minh. Chị P_nđ đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (13-11-2018).

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn T11;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Chí Công**

Lê Chí Công